



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ
CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Tháng 4 năm 2010

MỤC LỤC

1.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
1.1.	Những sự kiện quan trọng:.....	2
1.1.1	Việc thành lập.....	2
1.1.2	Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần.....	2
1.1.3	Niên yết:.....	2
1.1.4	Các sự kiện khác.....	2
1.2.	Quá trình phát triển.....	2
1.2.1	Ngành nghề kinh doanh.....	2
1.2.2	Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn.....	2
1.3.	Định hướng phát triển:.....	3
2.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
2.1.	Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính).....	5
2.2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	5
3.	BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	6
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	6
3.1.1	Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán.....	6
3.1.2	Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.....	7
3.1.3	Phân tích những biến động, thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân.....	7
3.1.4	Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo.....	7
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
3.2.1	Phân tích tổng quan hoạt động công ty.....	8
3.3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	8
3.3.1	Kế hoạch phát triển năm 2010.....	8
4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem chi tiết tại website công ty www.taya.com.vn).....	9
5.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	18
5.1.	Báo cáo kiểm toán độc lập:.....	18
6.	CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:.....	20
6.1.	Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất.....	20
6.2.	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính.....	20
7.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	20
7.1.	Cơ cấu tổ chức.....	20
7.2.	Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát.....	22
7.3.	Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm:.....	23
7.4.	Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	23
8.	QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG.....	24
8.1.	Quản trị công ty.....	24
8.1.1	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	24
8.1.2	Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:.....	24
8.1.3	Hoạt động của Ban kiểm soát:.....	24
8.1.4	Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT:.....	25
8.1.5	Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc:.....	25
8.1.6	Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty.....	25
8.1.7	Thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, BKS.....	25
8.1.8	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.....	25
8.2.	Thông tin cổ đông.....	25
	Cổ đông sáng lập.....	25
	HĐQT, BKS.....	26
	Cổ phiếu quỹ.....	26
	Các cổ đông khác.....	26

1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Những sự kiện quan trọng:

1.1.1 Việc thành lập

- Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 414/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu tư) cấp ngày 07/09/1992.
- Mã số đăng ký kinh doanh: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần hai thay đổi ngày 18/12/2008.

Địa chỉ công ty: số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Tel: 84-61-3836361~4 Fax: 84-61-3836388

- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

Địa chỉ chi nhánh: km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Tel: 84-320-3775888~890 Fax: 84-320-3775896

- E-mail: ct_chiu@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

1.1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.1.3 Niêm yết:

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

1.1.4 Các sự kiện khác

- Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
 - + Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông.
 - + Ký hiệu cổ phiếu: TYA.

1.2. Quá trình phát triển

1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại dây và cáp điện trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô...
- Sản xuất các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...

1.2.2 Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn

- Tóm tắt tình hình hoạt động

- Năm 2001, Công ty đã hoàn thành đầu tư xưởng nung đúc nguyên liệu đồng đầu tiên cho nhà máy.
- Năm 2002, hoàn thành đầu tư nhà xưởng hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện từ và nhà xưởng nung đúc nguyên liệu đồng số 2.

- Năm 2003, đầu tư thành lập Chi nhánh sản xuất dây và cáp điện tại tỉnh Hải Dương, nhà máy này được hạch toán độc lập và đầu tư hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng đến khâu sản xuất ra các loại dây cáp điện, dây điện từ.
- Tháng 1/2005 Chi nhánh Hải Dương đã chính thức đi vào hoạt động.
- Năm 2005, hoàn thành đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất dây cáp điện Trung cao áp.
- Năm 2008, hoàn thành đầu tư mở rộng sản xuất dây cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, ít khói không độc.

**- Tóm tắt quá trình phát triển vốn
Trước khi cổ phần hóa:**

Stt	Số GPĐT	Ngày	Vốn pháp định (USD)	Vốn đầu tư (USD)	Mục đích đầu tư
1	414/GP	07/09/1992	3.955.000	6.955.000	
2	414/GPĐC1	31/10/1995	6.955.000	12.553.300	Đầu tư xây dựng nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất dây cáp điện.
3	414/GPĐC3	30/07/1997	8.955.000	14.533.000	Đầu tư xưởng nung đúc đồng nguyên liệu số 1, 2 và xưởng sản xuất dây điện từ
4	414/GPĐC	12/01/1998	8.955.000	14.944.240	
5	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	16/05/2003	13.114.072	21.444.240	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dây cáp điện, dây điện từ tại Hải Dương
6	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	07/05/2004	14.226.023	21.444.240	

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần:

Stt	GPĐT	Ngày cấp	Vốn điều lệ	Vốn đăng ký	Lý do tẩm vốn ĐL
1.	414 CPH/GP	07/10/2005	182.676.270.000VND	21.444.240USD	
2.	414/CPH/GCNĐC1-BKH	25/10/2006	241.584.080.000VND	-	Chi trả cổ tức
3.	414/GCNĐC2/47/2	06/09/2008	265.735.480.000VND	-	Chi trả cổ tức
4.	472033000584	18/12/2008	279.013.770.000VND	-	Chi trả cổ tức

1.3. Định hướng phát triển:

Mục tiêu chủ yếu

- Mục tiêu của công ty là đưa Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu, mở rộng thị trường nội địa và tăng cường xuất khẩu, phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty.

A. Phát triển thị trường:

1. Tăng cường khai thác thị trường nội địa sản phẩm cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
2. Trực tiếp hoặc hợp tác đầu thầu các công trình.
3. Khai thác đối tác chiến lược tiềm năng.
4. Mở rộng quan hệ hợp tác khách hàng.
5. Tăng cường xuất khẩu.

B. Phát triển sản phẩm chất lượng:

1. Khai thác sản phẩm chất lượng phù hợp với giá thành cạnh tranh.
2. Ứng dụng công nghệ hiện đại của tập đoàn Taya sản xuất các sản phẩm phù hợp với thị trường Việt Nam và xuất khẩu.

C. Nguyên vật liệu đầu vào :

1. Thường xuyên đánh giá và chọn lựa nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào và tăng cường quy trình quản lý chất lượng nguyên liệu
2. Thường xuyên theo dõi, phân tích và đánh giá xu thế giá cả nguyên vật liệu thị trường thế giới.
3. Công cố năng lực tài chính, theo xu thế thị trường thế giới linh hoạt tích trữ nguyên vật liệu đầu vào có lợi nhất.

D. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.
2. Đào tạo, thu hút thêm nhân sự có năng lực.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

E. Đầu tư phù hợp:

Do Việt Nam không có đủ mỏ đồng nên công ty phải nhập khẩu đồng nguyên liệu để phục vụ sản xuất. Giá đồng thế giới thường chịu sự chi phối của hai thị trường giao dịch Lon Don và New York, cộng thêm yếu tố đầu cơ của các định chế tài chính và quỹ đầu tư, đã dồn các nhà sản xuất ngành dây cáp điện vào thế bị động và bất lợi. Vì vậy, công ty cần phải chủ động hơn trong chiến lược tích trữ nguyên liệu có lợi và đòi hỏi có thêm năng lực tài chính dồi dào.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2009 là một năm thật sự khó khăn cho công ty, ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới đã tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt là suy giảm sản xuất kinh doanh trong nước và lĩnh vực sản xuất công nghiệp sử dụng nguyên liệu nhập khẩu thanh toán bằng USD, khi bán hàng nội địa chỉ thu bằng tiền đồng Việt Nam. Trong điều kiện bất lợi về giá đồng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ thu hẹp và VND liên tục trượt giá. Năm 2009 doanh thu của Công ty đạt 751.930.227 ngàn đồng giảm 36,47% so với thực hiện năm 2008 , lợi nhuận sau thuế chỉ vón vẹn 2,745,376 ngàn VND.

Chênh lệch tỷ giá

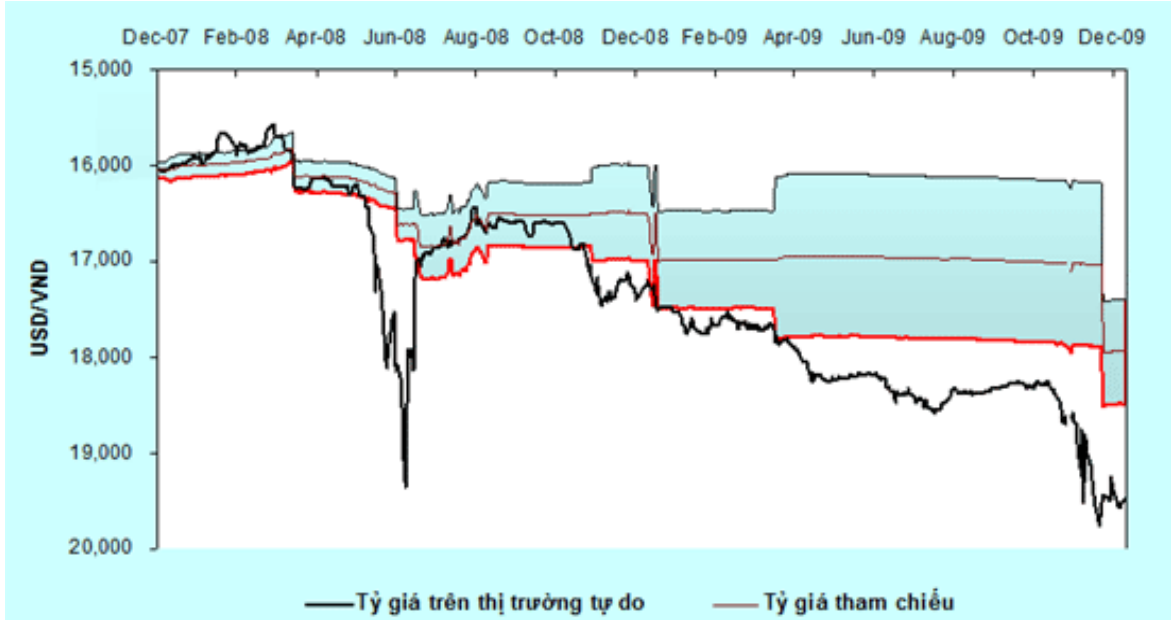
Tỷ giá Liên ngân hàng giữa USD và VND trong năm tài chính 2009 đã trải qua hai lần điều chỉnh, một lần vào 24/3/2009 biên độ giao dịch tăng từ 3% lên 5%, giá tham chiếu giữ nguyên không thay đổi nhưng giá niêm yết bán ra của khối ngân hàng TM đã từ 17.489VND/USD tăng lên 17.829VND/USD; Lần thứ hai vào tháng 11/2009 biên độ giao dịch từ 5% giảm xuống 3%, giá bán ra của khối ngân hàng TM từ 17.886VND/USD tăng lên 18.500VND/USD. Tuy nhiên, tỷ giá giao dịch tại thị trường tự do luôn nằm ngoài biên độ cho phép của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể tỷ giá giao dịch USD thị trường tự do đã đạt gần 20.000 VND đổi một USD vào trưa ngày 11/11/2009.

Có nhiều nguyên nhân... như ứng phó với tình hình thâm hụt cán cân thương mại và thanh toán vãng lai, dự trữ ngoại hối giảm mạnh, USD khan hiếm và Ngân hàng Việt Nam đột ngột điều chỉnh tỷ giá VND/USD... Sau những lần điều chỉnh tỷ giá như vậy, đã dồn ngay Đầu tư nước ngoài và khối năng lực sản xuất nội tại vào thế bế tắc làm cho mọi cố gắng của công ty trở nên vô cùng khó khăn.

Bảng tham khảo tỷ giá thay đổi

Thời gian điều chỉnh	Liên Ngân hàng	Khối ngân hàng TM (bán ra)	Thị trường tự do (bán ra)
24/03/2009	16.980đ/USD	Từ 17.489 lên 17.829đ/USD	18.000đ/USD

26/11/2009	Từ 17.034đ/USD lên 17.961đ/USD	Từ 17.886 lên 18.500đ/USD	19.400đ/USD
------------	---	---------------------------	-------------



Nguồn: Global Financial Data, Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của Trường Fulbright.

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính)

Chỉ tiêu	2009	2008	2007
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần (Triệu)	751.930	1.183.672	1.375.220
Lợi nhuận gộp (Triệu)	89.446	(13.942)	104.312
Lợi nhuận từ HĐSXKD (Triệu)	6.366	(118.748)	1.248
Lợi nhuận sau thuế (Triệu)	2.745	(108.005)	8.400
Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản (Triệu)	611.203	660.606	1.001.634
Tổng nợ phải trả (Triệu)	421.449	462.051	695.074
Tài sản thuần (Triệu)	189.754	198.555	306.560
Chỉ số tài chính			
ROE (%)	1,41	-42,76	2,77
ROA (%)	2,75	-10,07	3,85
Nợ/vốn CSH (%)	222,10	232,71	226,73

2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	Tăng/ giảm Kim ngạch	% tăng giảm so với KH
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279.013	279.013	-	-
Doanh thu (Triệu đồng)	546.356	751.930	205.574	37,63
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	1.100	10.386	9.286	844,18

Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.100	2.745	1.645	149,55
LN sau thuế/ Doanh thu (%)	0,20	0,37	0,17	85
LN sau thuế/Vốn điều lệ (%)	0,39	0,98	0,59	151,28
Cổ tức (đồng/cổ phần)	-	*	-	-

* Dự kiến không chia cổ tức năm 2009.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 so với kế hoạch

- Doanh thu năm 2009 đạt 751.930 triệu đồng, tăng 37,63% so với kế hoạch nhưng giảm 36,47% so với thực hiện năm 2008. Doanh thu năm 2008 tuy cao nhưng lỗ nặng, doanh thu 2009 thấp hơn những lần 2 tỷ 745 triệu đồng, hiện tượng trên phản ánh tình hình kinh doanh năm 2009 đã có dấu hiệu chuyển hướng tốt nhưng vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, trong đó chênh lệch tỷ giá là bài toán khó giải đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty.
- Để khắc phục bài toán tỷ giá, ngoài việc đòi hỏi Nhà nước tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, xây dựng thị trường tiền tệ bền vững không liên tục phá giá tiền đồng, Công ty cần phải tăng cường năng lực tài chính, linh hoạt tích trữ nguyên liệu có lợi về giá cả, hạn chế chi phí tài chính ngắn hạn, chọn lựa nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước thanh toán bằng tiền đồng.

3. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

3.1.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2009	Năm 2008
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và vốn			
1.1 Bộ trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	33,71	37,05
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,65	42,24
1.2. Bộ trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	6,71	1,43
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,05	30,06
2. Tỷ suất thanh toán			
2.1. Tỷ suất thanh toán ngắn hạn (Liquidity Ratio)	%	96,13	90,01
2.2. Tỷ suất thanh toán nhanh(Quick Ratio)	%	53,36	31,88
3. Tỷ suất lợi nhuận			
3.1 Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	1,38	-9,54
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0,37	-9,12
3.2 Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,70	-17,10
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,45	-16,35

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2009	Năm 2008
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	1,45	-54,40

3.1.2 Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Tỷ suất thanh toán ngắn hạn năm 2009 là 96,13% cao hơn 90,01% của năm 2008, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty đã được nâng cao, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ về tín dụng.
- Tỷ suất thanh toán nhanh năm 2009 là 53,36% cao hơn 31,88% của năm 2008, chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền gia tăng rõ rệt, phản ánh tình trạng năng lực thanh toán nhanh của công ty đã được cải thiện đáng kể.
- Tỷ suất lợi nhuận từ con số âm năm 2008 đã được chuyển sang số dương trong năm 2009 phản ánh tình trạng công ty tích cực quản lý các chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí tài chính đã thu về kết quả khả quan.

3.1.3 Phân tích những biến động, thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân

- Trong năm 2009, doanh thu tăng 37,63% so với kế hoạch nhưng giảm 36,47% so với thực hiện năm 2008, lợi nhuận không nhiều khoảng 2,7 tỷ đồng cao hơn dự tính của công ty là do ảnh hưởng của các nhân tố sau:
- Suy thoái kinh tế thế giới vẫn tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam làm suy giảm sản xuất kinh doanh trong nước.
- Thị trường tiền tệ chưa được bền vững dẫn tới tình hình tiền đồng liên tục trượt giá khiến công ty tổn thất chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ ngắn hạn đáo hạn.
- Dự báo những năm tiếp theo, kinh tế thế giới sẽ vượt qua suy thoái và ổn định phát triển, tình hình hoạt động sản xuất của công ty cũng sẽ chuyển hướng tích cực, sản lượng tiêu thụ gia tăng và thu được lợi nhuận nhiều hơn..

3.1.4 Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo

Chỉ tiêu	2009	2008	2007
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	6.801	7.116	11.536

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: (nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2009	2008	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	753.734.877	1.186.256.463	-432.521.586	-36,46
2. Các khoản giảm trừ	1.804.650	2.584.926	-780.276	-30,19
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	751.930.227	1.183.671.537	-431.741.310	-36,47
4. Giá vốn hàng bán	662.484.714	1.197.613.300	-535.128.586	-44,69
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.445.513	(13.941.763)	103.387.276	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.198.179	15.412.485	-2.214.306	-14,37
7. Chi phí tài chính	57.436.189	75.856.340	-18.420.151	-24,28
- Trong đó: Chi phí lãi vay	17.305.563	28.637.537	-11.331.974	-39,57
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	40.130.626	47.218.803	-7.088.177	-15,01

8. Chi phí bán hàng	17.592.249	19.503.583	-1.911.334	-9,80
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.249.669	24.859.109	-3.609.440	-14,52
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.365.585	(118.748.310)	125.113.895	-
11. Thu nhập khác	4.837.916	5.820.734	-982.818	-16,88
12. Chi phí khác	817.939	3.847	814.092	21.161,74
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	-	-	-	-
14. Lợi nhuận trước thuế	10.385.562	(112.931.423)	123.316.985	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.188.906)	1.188.906	-
16. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	-7.640.186	6.115.518	-13.755.704	-224,93
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.745.376	(108.004.811)	110.750.187	-

3.2.1 Phân tích tổng quan hoạt động công ty

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 và năm 2008 của Công ty có nhiều thay đổi đáng kể:

Giá đồng bình quân giảm mạnh 25,96%

Nội dung	Năm 2009	Năm 2008	Tăng/giảm USD/T
Giá đồng bình quân	5.149,74USD/T	6.955,88USD/T	-1.806,14

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2009 suy giảm 36,47% so với năm 2008. Giá đồng bình quân năm 2009 thấp hơn năm 2008 khoảng 25,96%. Nguyên nhân suy giảm doanh thu chủ yếu do tác động suy thoái kinh tế thế giới làm giảm năng lực sản xuất trong nước và giá đồng rớt giá kéo theo giá bán hàng hóa giảm mạnh.
- **Giá vốn:** Giá vốn năm 2009 ở mức 88% so với mức 101% năm 2008 cho thấy lợi nhuận năm 2009 đã được cải thiện đáng kể, nếu không vì nhà nước nhiều điều chỉnh tỷ giá chắc chắn Công ty sẽ thu lãi nhiều hơn.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2009 ở mức 2,3% và 2008 là 1,6% phản ánh doanh thu năm 2009 ở mức thấp hơn nhưng vẫn phải trang trải các chi phí cơ bản cố định, nhưng nếu so với năm 2008 tỷ suất này đã giảm 9,80% phản ánh hiệu quả trong việc cắt giảm chi phí bán hàng của công ty.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2009 ở mức 2,8% và 2,1% năm 2008 đã giảm 14,5% phản ánh hiệu quả trong việc cắt giảm chi phí quản lý của công ty.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2009 khoảng 57.4 tỷ đồng trong đó tổn thất chênh lệch tỷ giá chiếm 70% vào khoảng 40.1 tỷ đồng. Trong năm 2008 chi phí này khoảng 75,8 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá chiếm 62% vào khoảng 47,2 tỷ đồng. Hiện tượng này cho thấy công ty hiện đang đứng trước rủi ro chênh lệch tỷ giá.
- Nhằm khắc phục rủi ro tỷ giá, trong điều kiện có thể Công ty sẽ bổ sung vốn lưu động hạn chế việc vay vốn từ ngân hàng và sớm thanh toán những khoản nợ bằng ngoại tệ nhằm giảm chi phí lãi suất và tổn thất chênh lệch tỷ giá, đồng thời khi giá đồng thế giới giảm mạnh công ty chủ động tích trữ nguyên liệu nhằm giảm giá thành sản xuất.

3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.3.1 Kế hoạch phát triển năm 2010

Theo những số liệu báo cáo lạc quan về triển vọng kinh tế năm 2010 từ nhiều nguồn, tình hình kinh tế thế giới năm 2009 tuy suy thoái khoảng -9% nhưng dự báo sẽ phục hồi tăng trưởng 3,1% trong năm 2010. Thời gian qua Việt nam là một trong các nước sớm nhất đã vượt qua đáy suy thoái đạt tăng trưởng GDP cả năm 2009 là 5,2%. Cụ thể quý 1 đạt 3,1%, quý 2 đạt 4,5%, quý 3 đạt

5,8% và 6,8 trong quý 4. Mức tăng này tuy là thấp nhất trong 10 năm trở lại, nhưng chỉ số giá tiêu dùng nằm trong tầm kiểm soát của chính phủ là 6,5%. Vì vậy, Công ty lạc quan dự tính kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2010 như sau :

Đvt: (Nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2010
Doanh thu thuần	1,030,316,714
Giá vốn	937,061,903
Lợi nhuận gộp	93,254,811
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	39,018,360
Chi phí tài chính	30,717,500
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23,518,951
Lợi nhuận trước thuế	23,518,951

- * Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm ở mức 6.000USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 19.000VND/USD. Nếu giá đồng và tỷ giá hối đoái biến chuyển theo hướng có lợi công ty sẽ phải điều chỉnh các chỉ tiêu nói trên.

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem chi tiết tại website công ty www.taya.com.vn)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		405.156.004	415.870.230
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	123.482.055	35.113.099
Đầu tư ngắn hạn	120		-	30.720.000
Các khoản phải thu	130	4	103.055.334	112.504.681
Phải thu thương mại	131		102.279.929	138.547.183
Trả trước cho người bán	132		1.304.546	196.394
Phải thu khác	135		363.229	124.773
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(892.370)	(26.363.669)
Hàng tồn kho	140	5	176.332.932	236.423.197
Hàng tồn kho	141		180.909.706	368.868.202
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.576.774)	(132.445.005)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.285.683	1.109.253
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		953.519	441.888
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		118.355	342.124
Thuế thu nhập đã nộp	154		1.162.975	271.818
Tài sản ngắn hạn khác	158		50.834	53.423
Tài sản dài hạn	200		206.046.856	244.735.392
Tài sản cố định	220		201.243.361	230.846.852
Tài sản cố định hữu hình	221	Error! Refere nce source not found.	201.243.361	229.395.251
<i>Nguyên giá</i>	222		422.931.033	418.204.817
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(221.687.672)	(188.809.566)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	Error! Refere nce source not found.	-	1.451.601
Đầu tư dài hạn	250		42.400	42.400
Đầu tư dài hạn khác	258		42.400	42.400
Tài sản dài hạn khác	260		4.761.095	13.846.140

Chi phí trả trước dài hạn	261	Error! Reference source not found.	3.052.339	4.497.198
Tài sản thuế hoãn lại	262	Error! Reference source not found.	1.708.756	9.348.942
TỔNG TÀI SẢN	270		611.202.860	660.605.622

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ	300		421.448.475	462.050.307
Nợ ngắn hạn	310		415.566.978	441.272.770
Vay ngắn hạn	311	Error! Reference source not found.	359.724.571	411.025.406
Phải trả thương mại	312	Error! Reference source not found.	40.989.311	9.461.180
Người mua trả tiền trước	313		4.950.592	11.397.922
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	Error! Reference source not found.	4.017.544	3.883.420
Phải trả công nhân viên	315		4.339.566	3.791.913
Chi phí phải trả	316		1.401.501	1.690.855
Phải trả khác	319	Error! Reference source not found.	143.893	22.074
Vay và nợ dài hạn	330		5.881.497	20.777.537
Vay dài hạn	334	Error! Reference source not found.	5.470.891	17.316.024
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	410.606	3.461.513

VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.754.385	198.555.315
Vốn chủ sở hữu	410		189.754.385	198.555.315
Vốn cổ phần	411	Error! Reference source not found.	279.013.771	279.013.771
Cổ phiếu ngân quỹ	412	Error! Reference source not found.	(272.840)	(272.840)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(11.546.306)	-
Quỹ và dự trữ	417	Error! Reference source not found.	21.141.803	21.141.803
Lỗi lũy kế	420		(98.582.043)	(101.327.419)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		611.202.860	660.605.622

Người lập:

Hung Chung- Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	Error! Reference source not found.	753.734.877	1.186.256.463
Các khoản giảm trừ	02	Error! Reference source not found.	(1.804.650)	(2.584.926)
Doanh thu thuần	10		751.930.227	1.183.671.537
Giá vốn hàng bán	11	Error! Reference source not found.	(662.484.714)	(1.197.613.300)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	20		89.445.513	(13.941.763)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	Error! Reference source not found.	13.198.179	15.412.485
Chi phí hoạt động tài chính	22	Error! Reference source not found.	(57.436.189)	(75.856.340)
Chi phí bán hàng	24		(17.592.249)	(19.503.583)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(21.249.669)	(24.859.109)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.365.585	(118.748.310)
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	Error! Reference source not found. Error! Reference source not found.	4.837.916	5.820.734
Chi phí khác	32	Error! Reference source not found.	(817.939)	(3.847)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		10.385.562	(112.931.423)
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	Error! Reference source not found. Error! Reference source not found.	-	(1.188.906)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	Error! Reference source not found.	(7.640.186)	6.115.518
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	60		2.745.376	(108.004.811)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	Error! Reference source not found.	0.098	(3.872)

Người lập:

Hung Chung- Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ'000	Quỹ và dự trữ VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	265.735.481	(272.840)	-	19.881.760	21.215.725	306.560.126
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	13.278.290	-	-	-	(13.278.290)	-
Chuyển sang quỹ dự trữ	-	-	-	1.260.043	(1.260.043)	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(108.004.811)	(108.004.811)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	279.013.771	(272.840)	-	21.141.803	(101.327.419)	198.555.315
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(11.546.306)	-	-	(11.546.306)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.745.376	2.745.376
Số dư Error! Reference source not found.	279.013.771	(272.840)	(11.546.306)	21.141.803	(98.582.043)	189.754.385

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung-Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		10.385.562	(112.931.423)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.390.036	37.185.579
Dự phòng	03		4.779.023	127.493.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		1.142.983	11.625.269
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		-	(85.389)
Chi phí lãi vay	06		17.305.563	28.637.537
Thu lãi tiền gửi	07		(4.075.240)	(10.460.920)
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		63.927.927	81.463.836
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		9.922.426	143.317.664
Biến động hàng tồn kho	10		55.831.702	77.798.691
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		22.871.500	(118.277.586)
Biến động chi phí trả trước	12		(67.071)	(2.771.181)
			152.486.484	181.531.424
Lãi vay đã trả	13		(17.616.495)	(28.811.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(891.157)	(357.680)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		133.978.832	152.362.426
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.274.615)	(10.020.014)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	1.389.318
Đầu tư ngắn hạn	25		30.720.000	(30.720.000)
Thu lãi tiền gửi	27		2.796.428	10.460.920
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	30		30.241.813	(28.889.776)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ các khoản vay	33		552.588.266	964.145.817
Hoàn trả các khoản vay	34		(628.439.955)	(1.091.488.857)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		(75.851.689)	(127.343.040)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		88.368.956	(3.870.390)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		35.113.099	38.983.489
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	123.482.055	35.113.099

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung- Ming

Wang Yen Huang

5. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5.1. Báo cáo kiểm toán độc lập:

5.1.1 Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

- Trụ sở chính

Lầu 10, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q. 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84) 8.821 9266 Fax: (84)8. 821 9267

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Error! Reference source not found.

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của **Error! Reference source not found.** (“Công ty”) tại **Error! Reference source not found.** và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của **Error! Reference source not found.** tại **Error! Reference source not found.** và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 2(c) trong báo cáo tài chính. Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thuyết minh 2(c) trong báo cáo tài chính trình bày ảnh hưởng nếu Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng các quy định của VAS10.

Công ty TNHH KPMGViệt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 09-01-152

Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 15/03/2010

6. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Taya Electric Wire & Cable Co Ltd: Sở hữu 60% cổ phần.

6.1. Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất

Ngành nghề hoạt động: sản xuất cáp điện các loại, dây điện thoại các loại, dây đồng trần, dây điện từ.

Địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất

- **Trụ sở chính** Số 249 - Đường Trung Sơn, Đoạn II, Thôn Quan Miếu
Xã Quan Miếu, Huyện Đài Nam, Đài Loan,
Điện thoại: (886) 5953 131
- **Nhà máy** Số 15 - Đường Nam Hưng, Thôn Nam Loan, Tp. Vĩnh Khang,
Huyện Đài Nam, Đài Loan
Điện thoại: (886-6) 2372 6131
- **Chi nhánh Đài Bắc** Số 149 - Đường Ngũ Công, Khu Công nghiệp Ngũ Cổ,
Thôn Ngũ Cổ, Huyện Đài Bắc, Đài Loan
Điện thoại: (886-2) 2299 7070
- **Chi nhánh Đài Trung** Số 2 - Đường 33, Khu Công nghiệp Đài Trung, Đài Loan
Điện thoại: (886-2) 2350 1010

6.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính

- Năm 1955: Thành lập nhà máy Thực Nghiệp TAYA, vốn pháp nhân NTD 200.000, diện tích khoản 990 m², chuyên sản xuất kinh doanh dây cáp điện bọc cao su, dây cáp điện ngoài trời, dây điện bọc lớp vỏ, dây điện xe hơi;
- Năm 1958-1962: nghiên cứu sản xuất dây bọc nhựa PVC, dây điện công trình, dây điện xe hơi bọc nhựa, 2 lần tăng vốn lên NTD 600.000 và NTD 2.000.000, đổi tên Công ty Thực Nghiệp Cổ phần Hữu hạn TAYA.
- Năm 1967: Dời nhà xưởng vào Khu Công nghiệp Cán Tre, tăng vốn lên NTD 5.000.000, đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA.
- Năm 1968-1987: sau 9 lần tăng vốn và phát triển mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đến thời điểm năm 1987 số vốn là NTD 300.660.000, mua thêm mặt bằng tại Huyện Đài Nam xây dựng nhà xưởng, Tổng Công ty dời về Quan Miếu, Huyện Đài Nam, chính thức đưa dây cáp điện siêu cao áp đi vào hoạt động.
- Năm 1988: hợp nhất Công ty CPHH Dây Cáp điện Đại Hằng và tăng vốn lên NTD 750.000.000, mở rộng thiết bị chế tạo sản phẩm dây cáp điện lực siêu cao áp. Tháng 10, Ủy Ban Chứng khoán thuộc Bộ Tài chính Đài Loan chấp thuận Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu. Tháng 12/1988, Cổ phiếu của Công ty chính thức lên sàn giao dịch.
- Năm 1989-2000: tăng vốn 9 lần và không ngừng mở rộng phát triển sản xuất. Đến năm 2000, số vốn đã lên đến NTD 5.572.260.000, hợp danh với Công ty Công nghiệp điện Cổ Hà (Nhật Bản) thành lập Công ty CPHH Tư vấn Công trình Đại Hà và đầu tư vào Công ty CPHH Đầu tư Sáng nghiệp TAYA, sản phẩm dây điện từ được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng QS-9000.
- Năm 2001-2003: thay đổi chiến lược hoạt động, giảm vốn xuống còn NTD 5.425.770.000.
- Năm 2004-2008: không ngừng phát triển.
- Năm 2009: là Công ty đầu tiên được Công ty Điện lực Đài Loan công nhận có năng lực sản xuất cáp điện siêu cao áp 345KV. Vốn Điều lệ là NTD 5.716.150.380.

7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

7.1. Cơ cấu tổ chức

- **Trụ sở chính và Nhà máy Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 061-3836 361-4

Fax: 061-3836 388

E-mail: yndnstock@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

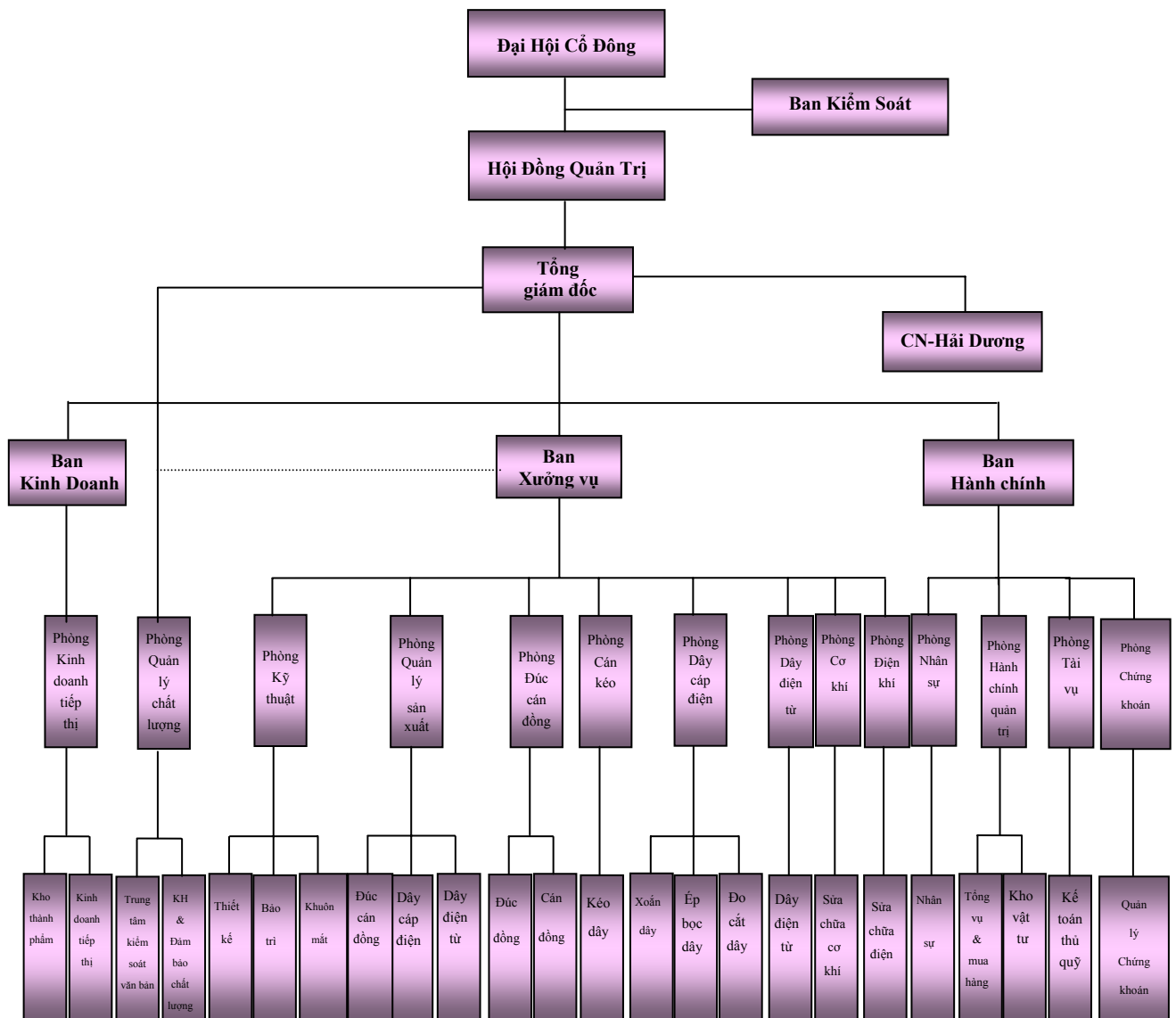
Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890~892 Fax: 0320 – 3775 896

Email: ctchiu@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành Công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya có được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều động sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

7.2. Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị:

1. Ông SHEN SHANG PANG

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam. Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

2. Ông SHEN SHANG TAO

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

3. Ông SHEN SHANG HUNG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, chủ tịch Hội đồng Quản trị Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

4. Ông SHEN SAN YI

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

5. Ông WANG YEN HUANG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: MBA Trường Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng , Đài Loan..

Ban Tổng giám đốc:

1. Ông WANG YEN HUANG (Tổng giám đốc)

(Lý lịch xem HĐQT)

2. Ông CHIU CHIN TENG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc CN-Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 1/11/1950

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Nghiệp Đài Nam. Đài Loan.

Thành viên ban kiểm soát:

1. Ông KUO LAO FU

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, chủ nhiệm phòng Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/01/1945

Quê quán: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trung học Tân Phong, Đài loan, khoa Quản trị doanh nghiệp.

2. Ông WANG WEN RUEY

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám đốc Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

3. Ông CHIU TSUNG JEN

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, Giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd, Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

- Trong các thành viên Hội đồng Quản trị, chỉ có Ông Wang Yen Huang là Tổng Giám Đốc trực tiếp tham gia điều hành Công ty, các thành viên còn lại đều là thành viên độc lập không tham gia điều hành.

7.3. Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm:

- Không thay đổi.

7.4. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Taya Việt Nam ở Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2009 là 469 người với 112 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 3,6% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 15,1%, trung cấp chiếm 15% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 69,9%.

Chính sách lương:

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 10% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

Chính sách thưởng:

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 800.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 500.000 đồng; 300.000 đồng đối với con cái nhân viên công ty. Ngoài ra, khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 200.000 đồng còn tang lễ là 500.000 đồng.

Chính sách đào tạo nhân viên:

Đào tạo chuyên môn: Đào tạo tại chức định kỳ và đào tạo tại nước ngoài.

8. QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

8.1. Quản trị công ty

8.1.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm tài chính 2009 Hội đồng quản trị tổ chức nhiều cuộc họp với những nội dung sau:

- Thảo luận và thông qua các báo cáo về kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và kiểm toán.
- Thảo luận và thông qua các kế hoạch nâng cao công nghệ sản xuất, thay đổi một số máy móc thiết bị sản xuất và kiểm tra chất lượng.
- Thông qua bổ nhiệm kế toán trưởng mới.

8.1.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát Ban Tổng giám đốc những việc sau:

- Chấp hành nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông.
- Chấp hành chiến lược kinh doanh công ty.
- Tuân thủ pháp luật.
- Tình hình thực thi chính sách lao động.
- Tình hình an toàn, vệ sinh lao động trong công ty.
- Tình hình mở rộng thị phần.

8.1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2009, Ban kiểm soát giám sát và tham dự các cuộc họp về:

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch và chiến lược kinh doanh công ty.
- Xem xét và thẩm định các báo cáo tài chính tự quyết hàng quý và năm.
- Trao đổi ý kiến với Hội đồng quản trị về tình hình nguyên liệu nhập khẩu và biến động tỷ giá năm 2009 và phương pháp đối phó.
- Kiểm tra nội bộ sổ sách kế toán và tình trạng tài chính của công ty.

- Xem xét báo cáo kiểm toán.

8.1.4 Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT:

Ban kiểm soát giám sát HĐQT về những việc sau:

- Tình hình tích trữ nguyên liệu.
- Quy trình nhập khẩu.
- Tuân thủ pháp luật.

8.1.5 Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc:

Ban kiểm soát tập trung giám sát Ban Tổng giám đốc những việc dưới đây:

- Theo dõi quy trình thực hiện quản trị công ty và thực thi nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tình hình quan hệ lao động.
- Tình hình tuân thủ quy định pháp luật.

8.1.6 Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty

Không chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm 2009 vì kinh doanh thu lãi không nhiều. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm 2010 giữ nguyên dự định là 3% lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và được Đại hội cổ đông thông qua.

8.1.7 Thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, BKS và những người điều hành chủ chốt khác trong Công ty

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) : 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) : 5.000USD/tháng.
- Ông Wang Yen Huang (Tổng giám đốc) : 2.500USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) : 1.350USD/tháng.

8.1.8 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu
I	Hội đồng Quản trị		
1.	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2.	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666
3.	Shen San Hung	Thành viên HĐQT	42.220
4.	Shen San Yi	Thành viên HĐQT	56.941
5.	Wang Yen Huang	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0
II.	Ban kiểm soát		
1.	Kuo Lao Fu	Trưởng Ban kiểm soát	861
2.	Chiu Tsung Jen	Thành viên BKS	2.100
III.	Ban Giám Đốc		
1.	Chiu Chin Teng	Phó TGD chi nhánh Hải Dương	21.861

8.2. Thông tin cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2009

Cổ đông	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng số cổ phần công ty	27.901.377	279.013.770.000	100
Cổ đông sáng lập			
Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd	16.742.197	167.421.970.000	60
Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd	5.580.687	55.806.870.000	20

HDQT, BKS			
Thành viên HDQT	203.331	2.033.310.000	20
Thành viên BKS	2.961	29.610.000	
Cổ phiếu quỹ	9.363	93.630.000	
Các cổ đông khác	5.362.838	53.628.380.000	
Tổng cộng	27.901.377	279.013.770.000	100

Ngày 01 tháng 04 năm 2010
TỔNG GIÁM ĐỐC

Wang Yen Huang